|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỈNH ỦY QUẢNG NAM**  **\*** |  | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Quảng Nam, ngày tháng năm 2025* |
| Số: -KH/TU  (Dự thảo) |  |  |

**KẾ HOẠCH**

**chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc**

**và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Quảng Nam giai đoạn năm 2025 - 2028**

-----

# I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/07/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quy định số 269-QĐ/TW, ngày 25/11/2014 của Ban Bí thư về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan Đảng.

- Quy định số 217-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư khoá XII về quy định gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và trên mạng Internet.

- Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường phối hợp và triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư ban hành kèm theo Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

- Quyết định số 205-QĐ/TW, ngày 16/12/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc ban hành Kiến trúc Chuyển đổi số thống nhất trong các cơ quan Đảng, phiên bản 2.0.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 12/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Thông báo số 02-TB/BCĐ, ngày 21/02/2025, của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh về Thông báo kết luận của đồng chí Lương Nguyễn Minh Triết - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tại phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo.

- Chương trình 60-Ctr/Tu ngày 24/2/2025 về việc thực hiện nghị quyết 57-NQ-TW của bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 định hướng đến năm 2045;

**II. THỰC TRẠNG**

**1. Về hạ tầng số**

- Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy: Được xây dựng và đưa vào sử dụng dùng chung cho các cơ quan Đảng của tỉnh từ tháng 12/2017 đến nay. Tất cả dữ liệu của các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh được tập trung và tích hợp về Trung tâm tich hợp dữ liệu Tỉnh ủy.

- Đường truyền và băng thông: Hiện có 03 đường truyền mạng như sau: (1) Mạng thông tin diện rộng của Đảng kết nối tại tỉnh có tốc độ là 06 Mbps; cấp huyện có tốc độ từ 02 Mbps; (2) Mạng truyền số liệu chuyên dùng có kết nối liên thông với các cơ quan khối Nhà nước và khối đoàn thể, chính trị - xã hội; (3) Mạng truy cập Internet cáp quang FTTH để triển khai các phần phần mềm trên môi trường Internet có tốc độ 100 Mbps.

- Thiết bị đầu cuối: Thiết bị công nghệ thông tin (CNTT) trang bị cho cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã được trang bị theo quy định đáp ứng nhu cầu làm việc và tác nghiệp hằng ngày của cán bộ, công chức.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến: đã kết nối thông suốt 4 cấp từ Trung ương - tỉnh - huyện - xã với số lượng kết nối đến 254 điểm cầu cùng lúc.

- Chữ ký số: các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong tỉnh sử dụng dịch vụ chứng thực số của Ban Cơ yếu Chính phủ trong mạng thông tin diện rộng của Đảng và trên mạng Internet. Các cơ quan, đơn vị đã triển khai mẫu Chữ ký số mới theo Hướng dẫn số 03-HD/TW, ngày 04/6/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng, 100% văn bản có nội dung không “Mật” bắt buộc ký số để gửi/nhận trên Phần mềm Hệ thông tin điều hành tác nghiệp, phần mềm Quản lý văn bản liên thông giữa các cơ quan Đảng, khối chính quyền và các đoàn thể chính trị xã hội trong tỉnh đã góp phần cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí. Hiện tại đã cấp phát tổng số: 1187 chứng thư số (trong đó tổ chức: 206 thiết bị, cá nhân: 981 thiết bị, thu hồi: 218 thiết bị). Riêng cấp xã chỉ cấp phát chứng thư số cho tổ chức, vì nhân sự Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy cấp xã thường xuyên thay đổi.

**2. Về dữ liệu số**

- Về số hóa thông tin: đã tiếp nhận và triển khai các phần mềm của Văn phòng Trung ương chuyển giao để thực hiện số hóa thông tin *(như Hệ thống thu thập tổng hợp thông tin trên Internet; Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; Phần mềm theo dõi chỉ đạo)*. Ngoài ra, Tỉnh ủy Quảng Nam đã cho chủ trương thực hiện xây dựng các ứng dụng phần mềm để số hóa thông tin *(như ứng dụng Q-Office, QuangNam Smart, Cổng thông tin Tỉnh ủy trên Internet, Trang thông tin nội bộ Tỉnh ủy, Trang thông tin điện tử nội bộ của các đơn vị, Hệ thống Email công vụ tỉnh Quảng Nam)*.

- Về số hóa văn bản đến, đi:

Từ năm 2020 đến nay, văn bản đến đi của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và Văn phòng đã được thực hiện liên thông qua phần mềm kết nối đến các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh ở 3 cấp và thông suốt với khối nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội để gửi và nhận văn bản.

- Các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh đã tiến hành xử lý gửi, nhận văn bản, điều hành tác nghiệp truyền thống trên văn bản giấy thành số hóa quy trình, cải cách thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của tỉnh đối với văn bản có nội dung không mật.

- Về số hóa hồ sơ cán bộ:

Trung ương đã triển khai các phần mềm chuyên ngành như: phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên và phần mềm Kiểm tra Đảng, cụ thể:

(1) Dữ liệu đảng viên: tính đến ngày 31/12/2024, toàn đảng bộ tỉnh có 22 đảng bộ cấp trên cơ sở, gồm: 18 huyện, thị, thành phố; 04 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; 04 tổ chức cơ sở đảng *(384 đảng bộ, 735 chi bộ);* 3.329 chi bộ trực thuộc đảng ủy và 73.479 đảng viên *(trong đó, có 2.159 đảng viên dự bị, 28.528 đảng viên nữ, 14.685 đảng viên là Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh)*.Toàn tỉnh có 45 tổ chức cơ sở đảngtrong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, với 744 đảng viên. Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã triển khai cập nhật số hóa trên Phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên phiên bản 3.0 là 73.497 hồ sơ đảng viên, đạt tỷ lệ 100%**,** cùng với danh mục tổ chức đảng.

(2) Dữ liệu kiểm tra Đảng: Được triển khai hiệu quả cho 22 đảng bộ trực thuộc cập nhật hồ sơ các đoàn kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, trích xuất báo cáo thống kê trên hệ thống thông tin chuyên ngành Kiểm tra Đảng.

- Hạ tầng phần mềm: hiện có 13 phần mềm *(10 phần mềm do các cơ quan Trung ương và 03 phần mềm do tỉnh xây dựng)* đang vận hành triển khai để lưu trữ, quản lý các dữ liệu gồm thông tin, văn bản, hồ sơ cán bộ, hồ sơ kiểm tra đã được số hóa trên các phần mềm.

Các phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung do Trung ương chuyển giao được triển khai đồng bộ tại các đơn vị: Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp để trao đổi các văn bản, thông tin trong nội bộ; Hệ thống phần mềm chuyên ngành Tuyên giáo, Tổ chức - xây dựng đảng và chuyên ngành kiểm tra đảng; Phần mềm quản lý tài sản Đảng; Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; Hệ thống thu thập tổng hợp thông tin trên Internet; Phần mềm Quản lý tài liệu số hoá lưu trữ.

Tỉnh ủy Quảng Nam đã thực hiện triển khai và đưa vào sử dụng 03 phần mềm do địa phương tự xây dựng để đáp ứng yêu cầu công việc bao gồm: (1) Phần mềm gửi nhận văn bản và điều hành tác nghiệp, (2) Trang Thông tin nội bộ Tỉnh ủy; (3) Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy trên Internet.

**3. Về an toàn thông tin**

- Tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy xây dựng mô hình 3 lớp với 2 loại thiết bị tường lửa khác nhau, các máy chủ ứng dụng đặt tại vùng DMZ, các máy chủ CSDL đặt tại vùng an toàn, người dùng các phòng được tách thành các VLAN riêng biệt trong lớp mạng người dùng. Trên các thiết bị tường lửa, chỉ cho phép người dùng truy cập các dịch vụ, ứng dụng phần mềm, đối với người quản trị truy cập từ xa để xử lý sự cố thì phải kết nối thông qua phần mềm OpenVPN. Trên các thiết bị mạng, hệ điều hành của máy chủ đều bật chức năng gửi nhật ký về thiết bị giám sát trạng thái hoạt động Monitoring giúp người quản trị có thể khai thác nhật ký hệ thống mạng và trạng thái hoạt động của thiết bị.

- Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy là nơi lưu trữ tất cả các hệ thống thông tin, dữ liệu dùng chung, phần mềm, ứng dụng dùng chung tiếp nhận chuyển giao từ Trung ương, được cài đặt, bảo quản tập trung nhằm lưu trữ phục vụ cho toàn tỉnh khai thác, tra cứu góp phần dễ dàng tăng cường các biện pháp bảo mật, an toàn thông tin, kiểm soát quyền truy cập và bảo vệ thông tin, tối ưu hóa quy trình truy xuất và xử lý dữ liệu lớn, tiết kiệm chi phí triển khai và quản lý cơ sở dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng cao, bảo mật. Tất cả các thiết bị trước khi đưa vào sử dụng tại Trung tâm dữ liệu đều được cơ quan chức năng rà quét an toàn thông tin.

- Tất cả máy tính hết thời gian khấu hao, hư hỏng khi thanh lý sẽ được thu hồi ổ cứng và thực hiện tiêu hủy theo quy định. Đã trang bị bản quyền hệ điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu của máy chủ, máy trạm. 100% máy tính người dùng có kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng truy cập Internet được cài đặt chương trình phòng chống virus, mã độc tập trung Kaspersky và cài đặt phần mềm EDR để quản lý kết nối mạng diện rộng hệ Đảng, phát hiện kết nối bất hợp pháp. Bố trí các máy tính độc lập để soạn thảo văn bản có nội dung “Mật”, sử dụng USB DC02-M19 để sao chép dữ liệu giữa mạng trong và mạng ngoài.

- Tỉnh ủy đã thực hiện các giải pháp kỹ thuật để bảo vệ mạng thông tin diện rộng của Đảng; định kỳ kiểm tra, đánh giá và vá lỗ hổng bảo mật của các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng; triển khai chứng chỉ số SSL cho các ứng dụng trên giao diện Web. Các phần mềm trên mạng Internet sử dụng giao diện Web, App sử dụng cơ chế sao lưu tự động toàn bộ máy chủ ảo hóa (CSDL, Phần mềm) bằng phần mềm Veeam backup sang thiết bị lưu trữ NAS dự phòng, khi gặp sự cố quản trị hệ thống có thể phục hồi dữ liệu.

- Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy Quảng Nam được thực hiện nâng cấp và thường xuyên cập nhật vá các lỗ hỏng được khuyến cáo và định kỳ hằng tháng. Từng bước nâng cấp hệ điều hành Microsoft Windows Server 2012 R2 sang hệ điều hành Microsoft Windows Server 2021 STD.

**4. Về nhân lực số**

- Thực hiện Quy định số 11-QĐi/TU, ngày 02/11/2018 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Văn phòng Tỉnh ủy và Quyết định số 1060-QĐ/TU, ngày 14/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức Văn phòng Tỉnh ủy. Tháng 03/2019, đã thành lập phòng Cơ yếu - CNTT gồm 06 CBCC (01 Trưởng phòng, 02 Phó phòng và 04 chuyên viên) trong đó có 03 CBCC chuyên trách làm công tác cơ yếu, 03 CBCC chuyên trách làm công tác CNTT. Đến nay, còn 02 CBCC chuyên trách làm công tác CNTT. Trình độ chuyên môn CNTT: 01 thạc sĩ, 01 đại học.

- Tại 17 huyện, thị, thành ủy: đã bố trí cán bộ phụ trách CNTT, trong đó có 05 huyện có cán bộ chuyên trách CNTT và 12 huyện bố trí cán bộ cơ yếu kiêm nhiệm CNTT.

- Tại các Ban xây dựng đảng tỉnh và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: đã phân công cán bộ bán phụ trách để thực hiện tham mưu triển khai công tác chuyển đổi số và ứng dụng CNTT.

**6. Đánh giá chung**

- Đến nay, Trung tâm tích hợp dữ liệu và đường truyền cơ bản đã được đầu tư, bảo đảm để triển khai công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong giải quyết công việc hằng ngày, tiếp nhận văn bản đến, đi trực tuyến. Tuy nhiên, một số thiết bị được trang bị từ năm 2017 đến nay không còn được nhà sản xuất hỗ trợ cập nhật vá lỗi và dễ gây hư hỏng mà chưa được đầu tư lại, dung lượng bộ nhớ đã sử dụng hơn 90%.

- Hệ thống các phần mềm được đầu tư vẫn còn mang tính rời rạc, chưa liên thông trực tuyến trong giải quyết công.

- Các phần mềm quản lý đảng viên, quản lý cán bộ công chức, kiểm tra đảng đang do Trung ương cung cấp còn phát sinh nhiều lỗi trong quá trình sử dụng, dù đã kiến nghị nhưng chưa được khắc phục để tiếp tục khai thác thông tin.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính chỉ mới dừng lại ở việc thống kê, hệ thống hóa, xây dựng qui trình giải quyết công việc và qui trình thủ tục hành chính nhưng chưa thực hiện tiếp nhận, xử lý công việc thông qua các qui trình điện tử trực tuyến, toàn trình liên thông giữa các cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước với nhau.

**III. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng nhằm đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, nâng cao chất lượng trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phong cách làm việc và nâng cao hiệu quả, giảm thời gian giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, góp phần quan trọng vào cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng. Tổ chức hạ tầng số, nền tảng số tổng thể, đồng bộ, hiện đại; tăng cường năng lực, tái cấu trúc hạ tầng kỹ thuật và tổ chức, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu theo kiến trúc thống nhất, tập trung tại Trung ương và Trung tâm dữ liệu tỉnh, Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy (dự phòng); ứng dụng công nghệ số, đổi mới quy trình nghiệp vụ; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, phục vụ và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan đảng từ Tỉnh đến cơ sở, đến các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn lực triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đồng thời, bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật và xác thực thông tin theo quy định của pháp luật; phù hợp, tương đồng với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số chung của tỉnh và theo Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng.

**2. Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu cụ thể đối với chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Nam giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2028:

***2.1. Đối với Hạ tầng số***

+ Hoàn thành tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin sang hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, có tính dự phòng cao, đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

+ 100% các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở được trang bị thiết bị hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

+ Đường truyền kết nối thông suốt từ Trung ương tới cơ sở, bảo đảm băng thông đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, kết nối liên thông với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

+ 100% cán bộ trong các cơ quan đảng được trang bị chữ ký số theo quy định.

***2.2. Đối với ứng dụng số***

- Quý 1/2025: Tiếp nhận và đưa vào sử dụng ngay các ứng dụng số phục vụ đại hội đảng các cấp được Trung ương Đảng chuyển giao. Triển khai sử dụng chính thức Hệ thống thông tin gửi nhận văn bản và điều hành tác nghiệp Q-Office cho các cơ quan đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng ứng dụng dùng chung phục vụ công tác tại các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Nam liên thông trực tuyến và toàn quy trình để giải quyết công việc thay cho hệ thống các phần mềm đang sử dụng rời rạc.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung bảo đảm đúng, đủ, chuẩn hóa thông qua việc thực hiện số hóa văn bản, số hóa dữ liệu nền (dữ liệu đảng viên, CBCC; kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo, Văn kiện Đảng, thông tin chỉ đạo điều hành).

- Quy trình hóa, điện tử hóa toàn bộ qui trình giải quyết thủ tục hành chính và giải quyết công việc (không mật) sẽ được thực hiện trên môi trường mạng trực tuyến, liên thông và lưu trữ trực tuyến. Ứng dụng nền tảng, công nghệ AI vào thu thập, phân tích, xử lý hỗ trợ đưa ra quyết định.

- Triển khai hoàn thành 100% ứng dụng do Trung ương Đảng triển khai.

- Triển khai hệ thống trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức tìm kiếm thông tin, văn bản.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện, hồ sơ công việc được xử lý trực tuyến.

- 100% báo cáo định kỳ của các cơ quan đảng cấp tỉnh đến cấp cơ sở được thực hiện thông qua hệ thống thông tin báo cáo IOC của tỉnh.

- 100% các hệ thông thông tin, cơ sở dữ liệu được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% người sử dụng truy cập vào hệ sinh thái các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Đảng có định danh số và xác thực tập trung, thống nhất.

- 100% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

- 100% các vụ việc, khiếu nại tố cáo, dấu hiệu vi phạm của cán bộ, công chức, đảng viên được quản lý trên môi trường số; 100% đơn, thư, khiếu nại, tố cáo được thực hiện trên môi trường số.

- 100% nội dung công tác tuyên giáo được thực hiện trên môi trường số; thông tin, dữ liệu, văn bản về các lĩnh vực trong công tác tuyên giáo được cung cấp chính thức, kịp thời; 100% thông tin chung về công tác dân vận được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

- 100% văn bản không mật được ký số, gửi, nhận, xử lý trên môi trường số và có thể xử lý trên thiết bị di động, mọi lúc, mọi nơi. Thực hiện việc gửi, nhận văn có nội dung MẬT trên môi trường mạng thông tin diện rộng của Đảng theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương.

- 100% công tác tổng hợp, báo cáo được thực hiện trên môi trường số.

- 100% hồ sơ, tài liệu không mật được số hóa bảo đảm việc lưu trữ điện tử được bảo quản lâu dài, phục vụ nhu cầu khai thác.

- 100% hệ thống thông tin trên toàn hệ thống phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị của Tỉnh ủy được xây dựng, cập nhật dữ liệu thường xuyên và có thể kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

***2.3. Công tác nghiệp vụ***

- Công tác nghiệp vụ của các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh được triển khai trên môi trường số.

- Công tác nghiệp vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam được thực hiện trên môi trường số để nắm bắt tình hình nhân dân; hỗ trợ công tác giám sát; đánh giá sự hài lòng của người dân; hỗ trợ các hoạt động cứu trợ, an sinh xã hội; tăng cường tương tác, nâng cao hiệu quả hoạt động tập hợp nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, thực hiện dân chủ, tạo đồng thuận xã hội; tăng cường giám sát, phản biện xã hội,…

***2.4 An toàn thông tin***

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống Trung tâm tích hợp của Tỉnh ủy đạt chuẩn hệ thống thông tin theo cấp độ 03 để bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm.

- Thực hiện đánh giá an toàn thông tin hằng năm.

- 100% hệ thống, thông tin các cấp ủy được phê duyệt hồ sơ cấp độ và có phương án đảm bảo an toàn thông tin.

- 100% cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách CNTT được đào tạo các lớp chuyên đề về an toàn thông tin.

- 100% cán bộ công chức được tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số và an toàn thông tin.

***2.5. Nhân lực số***

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, ứng dụng CNTT và an toàn bảo mật thông tin.

- 100% cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách CNTT được đào tạo chuyên sâu các lớp chuyên đề về an toàn thông tin, quản trị các hệ thống ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

**IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Cơ chế chính sách**

Triển khai rà soát, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định thúc đẩy chuyển đổi số, nhất là tái cấu trúc hoặc đổi mới mô hình, quy trình hoạt động nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các cơ quan đảng; cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng, giữa 03 văn phòng (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh), giữa cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Rà soát, xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung Kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng và các qui chế, qui định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số tại các cơ quan đảng, phù hợp với chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước cũng như định hướng, chiến lược quốc gia.

- Rà soát, xây dựng, ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về gửi, nhận, xử lý văn bản trong các cơ quan đảng trên môi trường số, tiến tới mô hình văn phòng không giấy. Xây dựng, ban hành bộ thủ tục hành chính của các cơ quan đảng (bao gồm cả liên thông), bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong toàn bộ các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở, đơn giản hoá thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả xử lý và giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận, tra cứu.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin để phục vụ chuẩn hoá trong toàn hệ thống các cơ quan đảng về: Hạ tầng phần cứng, phần mềm; an ninh, bảo mật; an ninh, toàn vẹn dữ liệu.

- Xây dựng, ban hành các văn bản quy định về các chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn xây dựng, quản lý, trao đổi nghiệp vụ, thông tin, dữ liệu nội bộ giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Xây dựng, ban hành văn bản quy định về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các cơ quan đảng; cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù cho cán bộ làm công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

**2. Phát triển hạ tầng số**

- Xây dựng Trung tâm dữ liệu Tỉnh ủy trên nền tảng tích hợp và chia sẽ với Trung tâm dữ liệu tỉnh (*đặt tại* *Trung tâm Lưu trữ Lịch sử Tỉnh*) với công nghệ hiện đại, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam và thế giới, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số tối thiểu trong 05 năm tới và theo chuẩn Tier II trở lên, ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm về độ an toàn, duy trì hoạt động liên tục, năng suất xử lý dữ liệu lớn (Big Data), đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế; lựa chọn, nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin do Văn phòng Tỉnh ủy đã đầu tư, đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật để sử dụng tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy; tổ chức Trung tâm tích hợp dữ liệu tại trụ sở Tỉnh ủy thành Trung tâm dữ liệu dự phòng.

- Tiếp nhận nền tảng quản trị tổng thể, hệ thống xác thực định danh điện tử hỗ trợ người dùng chỉ cần đăng nhập một lần để truy cập vào các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin do Trung ương và UBND tỉnh triển khai.

- Thực hiện mua sắm, bổ sung thiết bị, mua sắm và gia hạn bản quyền an toàn thông tin, tường lửa… nhằm đảm bảo về độ an toàn, sẵn sàng cao, năng suất xử lý và dung lượng lưu trữ ngày càng lớn để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số.

- Thực hiện đánh giá an toàn thông tin hằng năm Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy. Xây dựng hồ sơ cấp độ các hệ thống thông tin và được phê duyệt hồ sơ cấp độ theo qui định.

- Triển khai chữ ký số cá nhân trên thiết bị di động (SIM KPI hoặc HSM) của Ban Cơ yếu Chính phủ trong hệ thống các cơ quan đảng. Phối hợp với Ban cơ yếu Chính phủ tham mưu tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả chữ ký số cá nhân trên thiết bị di động. 100% cán bộ công chức có một chữ ký số cá nhân để sử dụng ký số trên môi trường số.

- Xây dựng kho lưu trữ điện tử để lưu trữ tài liệu điện tử hiện hành và tài liệu lưu trữ lịch sử thông qua thu thập và số hóa tài liệu, để đáp ứng nhu cầu khai thác tài liệu và bảo đảm việc bảo quản lâu dài tài liệu điện tử cho sử dụng hiện tại và trong tương lai

- Bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để phục vụ Hội nghị trực tuyến từ Trung ương đến địa phương.

**3. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu dùng chung**

***3.1. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng số***

- Triển khai ứng dụng Quản lý đại biểu; theo dõi tiến độ và kết quả đại hội đảng các cấp; xây dựng Trang thông tin tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân vào các dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần XXIII và ứng dụng phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần XXIII.

- Triển khai Nền tảng định danh và xác thực điện tử tập trung trong các cơ quan đảng trên cơ sở dữ liệu người dùng tập trung, có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Nền tảng định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an.

- Các ứng dụng số của Tỉnh ủy được kết nối với các hệ thống thông tin khác của chính quyền thông qua trục Tích hợp dữ liệu LGSP của tỉnh và các hệ thống thông tin các cơ quan đảng thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo tổng hợp trên cơ sở thu thập, tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo của các cơ quan để tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành tại các cơ quan đảng.

- Triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của các cơ quan đảng nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn khác nhau; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tìm kiếm thông tin và trợ lý ảo đối với các lĩnh vực chính của công tác đảng.

- Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc trên Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số.

- Triển khai hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài chính, tài sản của Đảng, bảo đảm quản lý thống nhất trong các cơ quan đảng trên môi trường số, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống tài chính, tài sản của các bộ, ngành, cơ quan liên quan.

- Triển khai các ứng dụng số dùng chung cho toàn bộ các cơ quan đảng, hướng đến văn phòng số không giấy, làm việc trên môi trường số như: Quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp; Sổ tay Đảng viên; Thi đua khen thưởng; Quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo; Theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh ủy; Quản lý báo cáo lãnh đạo chủ chốt hằng tháng; Quản lý chương trình làm việc của Tỉnh ủy; Quản lý hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Thư viện điện tử; Số hoá và quản lý số hoá tài liệu; Trợ lý ảo ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn; hệ thống đào tạo trực tuyến; các ứng dụng số phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Triển khai các ứng dụng số phù hợp với định hướng triển khai trên nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ cho các thiết bị di động thông minh, truy cập khai thác qua một Cổng thông tin.

***3.2. Phát triển dữ liệu số dùng chung***

- Triển khai Kho dữ liệu tập trung dùng chung phục vụ phân tích, xử lý, cung cấp, phân phối dữ liệu, liên thông kết nối với kho dữ liệu tỉnh và trung ương.

- Rà soát, đánh giá, làm sạch dữ liệu đã số hoá và đưa vào sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan đảng; từng bước kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, Mặt trận tổ quốc Việt nam, các tổ chức chính trị - xã hội đưa dữ liệu về kho dữ liệu dùng chung và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động và công tác chuyên môn.

- Tổ chức số hoá dữ liệu của các cơ quan đảng; chuẩn hoá các dữ liệu đã được số hoá, nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu số.

- Triển khai các cơ sở dữ liệu, danh mục dùng chung phục vụ việc tích hợp, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các ứng dụng.

**4. Chuyển đổi số trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng**

- Hoạt động chuyển đổi số trong các cơ quan tham mưu, giúp việc củaĐảng được thực hiện tập trung, đồng bộ, thống nhất. Các cơ quan, tổ chức đảng và đảng viên khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng để phục vụ công tác tổ chức, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tuyên giáo phục vụ công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; các chủ trương, đường lối của Đảng về lĩnh vực tuyên giáo.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực dân vận nhằm đổi mới công tác tham mưu các chủ trương, chính sách và giải pháp lớn về công tác dân vận.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp phục vụ triển khai các hoạt động thu thập, tổng hợp dữ liệu, báo cáo thống kê.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kinh tế - xã hội phục vụ tham mưu trong việc định hướng xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu lĩnh vực đối ngoại.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu lĩnh vực công tác văn phòng để đổi mới công tác tham mưu, tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm là “trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo”.

- Triển khai hệ thống thông tin phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị.

- Số hoá văn bản, tài liệu nghiệp vụ tại các cơ quan đảng ở các cấp.

**5. Chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.**

- Triển khai, đưa vào ứng dụng có hiệu quả các Hệ thống thông tin chuyên ngành do Trung ương Đảng triển khai và chuyển giao. Cụ thể gồm: (1) Cơ sở dữ liệu từ Trung ương đến địa phương về: Tình hình nhân dân; các phong trào, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; công tác giám sát; công tác phản biện xã hội. (2) Cơ sở dữ liệu về: Người Việt Nam ở nước ngoài; người uy tín, tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; chức sắc tôn giáo; cốt cán tôn giáo phong trào.

- Số hoá các công việc nội bộ, số hoá tài liệu lưu trữ lĩnh vực chuyên môn,tài liệu lưu trữ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

**6. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin**

- Tổ chức đánh giá, xây dựng, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt cho các hệ thống thông tin.

- Triển khai Nền tảng giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng. Triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp, công cụ bảo mật, dịch vụ hệ thống, xác thực đa lớp,... để bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trên môi trường số.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, anh ninh thông tin theo qui định.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chuyên trách, chuyên môn thường xuyên kiểm tra, giám sát

**7. Tuyên truyền, thay đổi nhận thức**

- Các cơ quan, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cần đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tuyên truyền trên môi trường số thông suốt, hiệu quả; triển khai tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ "truyền thống" sang không gian số dựa trên dữ liệu số.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, nâng cao nhận thức của cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu về sự cần thiết, tính cấp thiếtvà vai trò của chuyển đổi số.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên các cơ quan đảng về ý nghĩa của chuyến đổi số là xu hướng tất yếu trong bối cảnh hiện nay, nhằm tăng hiệu quả xử lý công việc chuyên môn, đồng thời xây dựng văn hóa làm việc trên môi trường số của các cơ quan đảng.

- Xây dựng, triển khai các giải pháp truyền thông, các công cụ hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tiếp cận, sử dụng các hệ thống nghiệp vụ trên môi trường số.

- Gán các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyền đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động của các cơ quan đảng.

**8. Phát triển nguồn lực**

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực chuyên trách công nghệthông tin, chuyển đổi số của các cơ quan đảng theo qui định.

- Triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hằng năm đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

**V. KINH PHÍ**

**1. Nguồn kinh phí**: Sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách tỉnh.

**2. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2025 đến 2028.

**3. Kinh phí thực hiện:** **280**.**650.000.000 đồng** *(kèm theo Phụ lục).*

*(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng.)*

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Văn phòng Tỉnh ủy**

- Là cơ quan thường trực tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Hướng dẫn các cơ quan đảng triển khai kế hoạch, dự toán ngân sách hằng năm cho công tác chuyển đổi số, ứng dụng CNTT.

- Là đầu mối tiếp nhận, triển khai các phần mềm do Trung ương và Chương trình chuyển đổi số tỉnh chuyển giao.

- Chủ trì xây dựng các văn bản liên quan đến chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan đảng.

- Chủ trì tổ chức triển khai tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng CNTT, an toàn thông tin cho cán bộ công chức viên chức khối Đảng, , phối hợp đào tạo chuyên sâu cho các cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, phụ trách CNTT tại các đơn vị.

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; xây dựng báo cáo định kỳ; đề xuất điều chỉnh các nội dung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

**2. Sở Khoa học và Công nghệ**

Tham mưu, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan đảng triển khai chuyển đổi số, ứng dụng CNTT, tích hợp các cơ sở dữ liệu và trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các mạng với nhau thông qua Trục liên thông dữ liệu.

Tham mưu các chế độ thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số, CNTT, đảm bảo các chế độ ưu đãi cho cán bộ, công chức làm công tác chuyển đổi số, CNTT.

**3. Công an tỉnh**

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc kiểm tra, giám sát việc lộ lọt, mất an toàn thông tin trên mạng, kiểm tra an ninh các trang thiết bị CNTT trước khi đưa vào sử dụng.

**4. Sở Tài chính**

Căn cứ dự toán do các đơn vị lập và khả năng cân đối ngân sách tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành để thực hiện Kế hoạch này. Riêng đối với dự toán năm 2025, đề nghị các cơ quan đơn vị cân đối, sắp xếp trong dự toán 2025 để thực hiện.

**5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy**

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy *(qua Văn phòng Tỉnh ủy)*.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm triển khai phần mềm chuyên ngành, chủ trì tổ chức triển khai, tập huấn, hướng dẫn sử dụng Phần mềm do Trung ương chuyển giao và Phần mềm đặc thù cho các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

- Chủ động dự trù kinh phí sửa chữa, mua sắm các trang thiết bị CNTT hằng năm nhằm đảm bảo hạ tầng phục vụ tốt công tác Chuyển đổi số.

**6. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh**

Theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này. Tiếp nhận, sử dụng hiệu quả các phần mềm triển khai từ Trung ương và Tỉnh ủy.

**VI. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA KẾ HOẠCH**

**1. Hiệu quả triển khai**

- Nâng cao nhận thức và kỹ năng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc theo hướng hiện đại và đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong Đảng.

- Các hoạt động nghiệp vụ được quy trình hóa, các văn bản được trao đổi kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu, phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng thông qua các hệ thống thông tin chuyên ngành.

- Kịp thời cung cấp các thông tin, định hướng của tỉnh đến cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Đảng bộ tỉnh.

- Đẩy mạnh hiệu quả làm việc, kịp thời văn bản hóa nội dung các cuộc họp, nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định kịp thời, chính xác, nâng cao hiệu lực hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.

- Tổ chức kịp thời các cuộc họp, hội nghị của Trung ương, của tỉnh đến cấp huyện, cấp xã thông qua Hệ thống hội nghị trực tuyến góp phần tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại, mở rộng thành phần tham dự.

- Các giải pháp bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ, Hệ thống thu thập và giám sát an toàn, an ninh thông tin của Trung ương, của tỉnh được triển khai đồng bộ, bảo đảm tính xác thực, an toàn, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu đối với văn bản điện tử và các giao dịch điện tử trên môi trường mạng; bảo vệ thông tin bí mật nhà nước; an toàn, an ninh thông tin hệ thống mạng máy tính, hệ thống thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh và Hệ thống hội nghị trực tuyến.

- Hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, bảo đảm kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu trong các cơ quan đảng và giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh.

**2. Các rủi ro có thể xảy ra**

- Việc phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên từ nguồn ngân sách tỉnh không đảm bảo với tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch.

- Kinh phí đầu tư phát triển chuyển đổi số, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin bị cắt giảm, ảnh hưởng đến việc kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu và triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng.

- Các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng được đầu tư xây dựng và triển khai nhưng ở một số cơ quan, đơn vị không đưa vào ứng dụng thực hiện để trao đổi, cập nhật, xử lý và khai thác thông tin.

- Quy trình nghiệp vụ trên các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng thực hiện không đồng nhất và không đúng quy định.

- Một số cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin không đủ năng lực để quản trị, vận hành hệ thống mạng và triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng.

**3. Các biện pháp xử lý nếu có rủi ro xảy ra**

- Ưu tiên bố trí kinh phí và sử dụng có hiệu quả kinh phí đã được phân bổ, giao dự toán để thực hiện đạt kết quả các mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch này.

- Xác định đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và thứ tự ưu tiên. Trong đó, ưu tiên phát triển, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật để duy trì và phát triển các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng; bảo đảm kết nối, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức đảng và giữa các cơ quan, tổ chức đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin; gắn trách nhiệm của người đứng đầu và lấy kết quả ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị mình phụ trách làm một trong những tiêu chí đánh giá, phân loại chất lượng cán bộ, đảng viên hằng năm.

- Ban hành và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các qui chế, qui định liên quan đến hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát và tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ thực hiện việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của từng cơ quan, đơn vị, để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra.

- Xây dựng nội dung, chương trình, đào tạo, tập huấn và tài liệu hướng dẫn sử dụng phù hợp theo từng nhóm đối tượng (lãnh đạo, chuyên viên, văn thư,…).

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, quản trị, vận hành hệ thống mạng, bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Quảng Nam, giai đoạn năm 2025 - 2028, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),  - Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  - Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh,  - Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh,  - Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh,  - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,  - UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,  - Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,  - Các sở: Tài chính, Khoa học & Công nghệ,  - Các đồng chí lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,  - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**  BÍ THƯ  **[daky]**  **Lương Nguyễn Minh Triết** |

***Phụ lục: Các hạng mục đầu tư và thụ hưởng***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Nội dung công việc*** | ***Dự trù kinh phí (tỷ đồng)*** | | | | ***Đơn vị thực hiện*** | *Căn cứ thực hiện* |
| ***2025*** | ***2026*** | ***2027*** | ***2028*** |  |  |
| ***I*** | ***Hạ tầng số*** | ***83,00*** | ***61,00*** | ***41,10*** | ***51,10*** |  |  |
| *1* | *Trang bị thiết bị CNTT xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy đạt chuẩn*  Tier II trở lên | *30,00* | *40,00* | *30,00* | *50,00* | *VPTU* | *NQ 57, QĐ 204-qd/tw, ct 60-ctr/tu* |
| *2* | *Trang bị và lắp đặt hệ thống mạng không dây Wan cho văn phòng tỉnh uỷ* | *3,00* | *1,00* | *0,50* | *0,50* | *VPTU* | *nq57, ct60-ctr/tu* |
| *3* | *Bổ sung, nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin, phục vụ ứng dụng phần mềm chuyển giao từ VPTW Đảng* | *30,00* | *10,00* | *10,00* |  | *Các cơ quan tự dự toán kinh phí hằng  năm và theo Đề án CĐS tỉnh* | *QĐ 204-qd/tw* |
| *4* | *Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh Tỉnh Ủy (IOC)* | *0,00* | *0.0* | *0,00* | *0,00* | *Thụ hưởng từ dự án của UBND tỉnh* |  |
| *5* | *Hệ thống hiển thị và âm thanh tại trụ sở Tỉnh ủy* | *8,5* | *0,00* | *0,50* | *0,50* | *VPTU* | *NQ 57, ct 60-ctr/tu* |
| *6* | *Nâng cấp thiết bị Hội nghị trực tuyến tại Tỉnh ủy đến cấp xã và phí duy trì bảo dưỡng* | *20,00* | *10,00* | *0,10* | *0,10* | *VPTU* | *NQ 57, ct 60-ctr/tu* |
| ***II*** | ***Bảo đảm an ninh, an toàn thông tin*** | ***1,60*** | ***12,00*** | ***12,10*** | ***2,20*** |  |  |
| *1* | *Mua sắm bản quyền phần mềm hằng năm cho Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy (Thiết bị tường lửa, Antivirus, thiết bị an ninh mạng,...)* | *0,40* | *0,40* | *0,40* | *0,40* | *VPTU* | *Công văn 1337/BTTTT-CATTT* |
| *2* | *Trang bị thiết bị công nghệ an toàn thông tin SOC khối đảng* |  | *10,00* | *10,00* |  | *VPTU* | *Công văn 1337/BTTTT-CATTT* |
| *3* | *Tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức ATTT cho Tỉnh ủy và 17 huyện, thị, thành ủy.* | *0,50* | *0,50* | *0,50* | *0,50* | *VPTU* |  |
| *4* | *Đánh giá, giám sát ATTT Trung tâm Dữ liệu Tỉnh ủy* | *0,70* | *1,10* | *1,20* | *1,30* | *VPTU* | *Công văn 1337/BTTTT-CATTT* |
| ***III*** | ***Dữ liệu số*** | ***1,25*** | ***3,60*** | ***1,20*** | ***1,20*** |  |  |
| *1* | *Tiếp nhận Nền tảng quản trị tổng thể từ Văn phòng TW và UBND tỉn* |  |  |  |  | *Thụ hưởng từ VPTW và UBND tỉnh* | *QĐ 204-qd/tw* |
| *2* | *Tiếp nhận ứng dụng Họp không giấy từ Trung ương và UBND tỉnh* |  |  |  |  | *Thụ hưởng từ VPTW và UBND tỉnh* | *QĐ 204-qd/tw* |
| *3* | *Tiếp nhận các phần mềm chuyên ngành của Trung ương:* | *0,50* | *0,10* | *0,10* | *0,10* | *VPTU, Ban Tổ chức, TG&DV, UBKT, NC,…* | *QĐ 204-qd/tw* |
| *- Điều hành tác nghiệp* |
| *- Sổ tay Đảng viên* |
| *- Phòng họp không giấy* |
| *- Kiểm tra đảng* |
| *- Tuyên giáo và dân vận* |
| *- Tiếp nhận dịch vụ hệ thống đào tạo, tập huấn và thi trực tuyến* |
| *4* | *Tích hợp ứng dụng nền tảng Trợ lý ảo, MC ảo, text to speak, speak to text hỗ trợ công việc, phục vụ Tỉnh ủy.* |  | *0,50* | *0,10* | *0,10* | *VPTU* |
| *5* | *Nâng cấp Cổng thông tin điện tử Tỉnh ủy trên Internet.* | *0,75* | *0,10* | *0,10* | *0,10* | *Ban TG&DV tỉnh* | [*Nghị định 42/2022/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-dinh-42-2022-ND-CP-cung-cap-thong-tin-dich-vu-cong-truc-tuyen-tren-moi-truong-mang-518831.aspx?anchor=khoan_4_6) |
| *6* | *Số hóa tài liệu lưu trữ* |  | *2,90* | *0,90* | *0,90* | *VPTU* | *Hướng dẫn số 40-HD/VPTW* |
| *- Hệ thống kho lưu trữ tập trung của Tỉnh ủy (TT dữ liệu Tỉnh ủy)* |
| *- Hệ thống thông tin Quản lý tài liệu số hóa (0,9 tỷ)* |
| *- Triển khai số hóa giai đoạn (0,9 tỷ tương đương 40met)* |
| ***IV*** | ***Các sản phẩm thông tin*** | ***0,50*** | ***0,55*** | ***0,55*** | ***0,45*** |  |  |
| ***1*** | *- Bản tin tham khảo phục vụ lãnh đạo (250 triệu/năm)* | *0,25* | *0,25* | *0,25* | *0,25* | *VPTU* |  |
| ***2*** | *- Thông tin cập nhật trên Website* |  |  |  |  | *Các cơ quan tự dự toán kinh phí hàng năm* |  |
| ***V*** | ***Đào tạo, tập huấn và xây dựng văn bản*** | ***0,25*** | ***0,30*** | ***0,30*** | ***0,20*** | *VPTU (1.0)* |  |
|  | ***Tập huấn chuyển giao phần mềm VPTW Đảng chuyển giao*** | ***0,25*** | ***0,30*** | ***0,30*** | ***0,20*** | *VPTU* | *QĐ 204-qd/tw* |
| ***Tổng kinh phí chi thường xuyên*** | | ***87,60*** | ***80,75*** | ***56,15*** | ***56,15*** |  |  |
| ***TỔNG KINH PHÍ*** | | ***280,65*** | | | |  |  |